

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **78 /2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-11-2020

V/v tranh chấp: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí.

Ông Võ Hồng Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 543/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “ Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1027/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Bà H, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, khuyên nhủ nhau để cả hai thay đổi tính tình, cách sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng thời gian trôi qua, vợ chồng vẫn không tìm được sự đồng cảm, lắng nghe và chia sẻ. Bà H về nhà mẹ ruột để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 10/9/2000. Cháu T và Y đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Cẩm H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng 05 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà H và ông là vợ chồng, ông đồng ý.

- Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 10/9/2000. Cháu T và Y đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt văn bản cho đương sự của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự và của Hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà H, ông T là vợ chồng. Về con chung: Do con bà H và ông T đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Nguyễn Cẩm H yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn T do ông bà chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T cư trú tại ấp X, xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Cẩm H, bị đơn là ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm H chung sống với ông Nguyễn Văn T từ năm 1992, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T, ông T đồng ý. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 10/9/2000. Cả hai cháu T và Y đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, bà H và ông T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Tài sản chung: Bà H và ông T đều khai không có nên không xét.

[5] Nợ chung: Bà H và ông T đều khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm H.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Cẩm H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000768 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang